

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **274/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/11/2021.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Xuân Đào.

2. Bà Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2021, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-DS ngày 22/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh P.T.T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 26/8 B.Đ, Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Chị N.T.B.T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: 26/8 B.Đ, Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: 231/71/54 B.T, Phường I, Quận Y, TP.HCM.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh P.T.T trình bày:

Anh P.T.T và Chị N.T.B.T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển số 01/2008, ngày 08/10/2008 do Ủy ban nhân dân Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, hiện nay vợ chồng đã ly thân từ năm 2019.

Từ sau khi vợ từ Phú Quốc trở về lại thành phố Hồ Chí Minh vào khoảng đầu tháng 5/2021, vợ chồng ít qua lại, chỉ cung cấp tiền cơm ngày cho con.

Đến thời điểm hiện nay, Anh P.T.T xác định không còn tình cảm với Chị N.T.B.T, mâu thuẫn trầm trọng không còn muốn hàn gắn tình cảm gia đình nên Anh P.T.T yêu cầu được ly hôn với Chị N.T.B.T.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên: P.H.T.T (nam), sinh ngày 31/8/2010; P.H.G.B (nam), sinh ngày 29/10/2015. Anh P.T.T đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu Chị N.T.B.T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu trong trường hợp Chị N.T.B.T đồng ý thuận tình ly hôn thì tôi đồng ý hỗ trợ tiền sinh hoạt cho Chị N.T.B.T là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng để Chị N.T.B.T có điều kiện thuê nhà ở và sinh sống, trường hợp Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tôi không hỗ trợ tiền sinh hoạt cho Chị N.T.B.T.

Ngoài ra, Anh P.T.T không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Ý kiến trình bày của bị đơn:

Tại các lần hòa giải bị đơn trình bày lý do mà chồng chị yêu cầu ly hôn là do chồng chị có người phụ nữ bên ngoài, tên là T.N (tên gọi khác là T.M), nhà bên hẻm 45 đường B.T, phường U, Quận Y.

Bà T.N qua lại với anh T thông qua công việc làm ăn, hai người quen biết với nhau từ khi chị đi Phú Quốc, đã hơn được 7-8 tháng nay.

Những người làm chung với chồng chị thường hay nói xấu về quan hệ của vợ chồng chị và các con.

Nay, bị đơn yêu cầu: Muốn anh P.T.T suy nghĩ lại để cho 2 con có cơ hội cũng như chị sẽ làm lại từ đầu để lo cho gia đình, đề nghị anh T rút lại đơn ly hôn. Về yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn không đồng ý ly hôn với Anh P.T.T.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên: P.H.T.T (nam), sinh ngày 31/8/2010; P.H.G.B (nam), sinh ngày 29/10/2015, trong trường hợp tòa án giải quyết ly hôn Chị N.T.B.T vẫn đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung, về vấn đề cấp dưỡng các bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 07/7/2021, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến là không đồng ý ly hôn với Anh P.T.T, nếu Anh P.T.T hỗ trợ tiền sinh hoạt cho bị đơn là 800.000.000

(tám trăm triệu) đồng thì bị đơn sẽ đồng ý thuận tình ly hôn với nguyên đơn.

- Về con chung: Trong trường hợp tòa án giải quyết ly hôn Chị N.T.B.T đồng ý giao 02 con chung cho Anh P.T.T trực tiếp nuôi dưỡng, về vấn đề cấp dưỡng các bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Chị N.T.B.T không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Anh P.T.T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện,

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên: P.H.T.T (nam), sinh ngày 31/8/2010; P.H.G.B (nam), sinh ngày 29/10/2015, yêu cầu được nuôi 2 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Không đồng ý hỗ trợ số tiền 800.000.000 đồng vì không có khả năng như yêu cầu của bị đơn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Chị N.T.B.T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn, nhưng nếu nguyên đơn đồng ý hỗ trợ số tiền 800.000.000 đồng thì bị đơn sẽ đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên: P.H.T.T (nam), sinh ngày 31/8/2010; P.H.G.B (nam), sinh ngày 29/10/2015, đồng ý giao 2 con chung cho a Tâm nuôi dưỡng, đồng ý với kiến ý của anh T là không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Xác định đây là vụ án “ly hôn”, bị đơn đang cư trú tại Quận Y, TP.HCM, nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận Y là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tiến hành mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa chỉ đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thủ tục khai mạc phiên tòa đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P.T.T và Chị N.T.B.T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyền số 01/2008, ngày 08/10/2008 do Ủy ban nhân dân Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, do các bên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đến năm 2019 vợ chồng đã ly thân, trong quá trình chung sống chị T đã lén lấy tiền của người thân trong gia đình và đã sử dụng ma túy nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. xét yêu cầu của chị T là yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ 800.000.000 đồng là không có căn cứ.

Nguyên đơn khi phát hiện bị đơn lấy tiền và sử dụng ma túy thì nguyên đơn đã tha thứ cho bị đơn nhiều lần, hiện nay nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn, không thể hàn gắn, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên: P.H.T.T (nam), sinh ngày 31/8/2010; P.H.G.B (nam), sinh ngày 29/10/2015, nguyên đơn yêu cầu được nuôi 2 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh P.T.T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, 56, Điều, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 28, 35, 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc: “Ly hôn”, bị đơn đang cư trú tại Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 3, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P.T.T và Chị N.T.B.T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển số 01/2008, ngày 08/10/2008 do Ủy ban nhân dân Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Trong quá trình chung sống, do các bên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đến năm 2019 bị đơn bỏ nhà đi làm ở Phú Quốc, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2021, ngày 07/7/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2021, bị đơn trình bày là bị đơn đã sử dụng ma túy từ năm 2018, sử dụng được 1 năm thì chồng phát hiện và bị đơn lén lấy cắp tiền của người thân trong gia đình (chị chồng) và của chồng kể từ khi sử dụng ma túy, chồng của bị đơn cũng đã tha thứ nhiều lần, bị đơn không muốn ly hôn, nếu ly hôn thì bị đơn muốn chồng bị đơn hỗ trợ 800.000.000 đồng.

Qua lời khai của bị đơn, Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn, tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 07/7/2021, nguyên đơn trình bày vợ chồng mâu thuẫn rất nhiều, từ giữa tháng 10/2018 chị T lén sử dụng ma túy tại nhà trong thời gian dài và đã lấy cắp tiền của người nhà để sử dụng ma túy, sau khi sự việc xảy ra nguyên đơn đã kiểm tra lại camera phát hiện bị đơn đã lén lấy tiền, sau khi báo sự việc lên Công an Phường thì Công an Phường yêu cầu xử lý nội bộ vì đó cũng là những người thân trong gia đình, nên nguyên đơn đã tự lấy tiền của mình để hoàn trả lại cho người chị trong nhà.

Xét lời trình bày của bị đơn là nếu nguyên đơn hỗ trợ số tiền 800.000.000 đồng thì bị đơn đồng ý ly hôn, nếu nguyên đơn không hỗ trợ thì bị đơn không đồng ý ly hôn, nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình, việc bị đơn sử dụng ma túy và lén lấy tiền để sử dụng ma túy cũng là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng, tuy chị T không đồng ý ly hôn, nhưng từ khi Tòa án triệu tập hòa giải và đến thời điểm xét xử chị T vẫn không có phương án nào cụ thể để hàn gắn quan hệ gia đình, việc yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ 800.000.000 đồng là không đúng với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không có cơ sở pháp lý để hội đồng xét xử xem xét, nên lời trình bày trên của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Đối với quan hệ vợ chồng giữa anh và chị thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm

2019 cho đến nay, vì vậy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Hội đồng xét xử xem xét là có cơ sở chấp nhận.

Xét nguyện vọng của con chung tên P.H.T.T (nam), sinh ngày 31/8/2010 thì con có nguyện vọng được sống chung với mẹ, tại phiên tòa bị đơn đồng ý giao 02 con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng vì bị đơn không có khả năng, Hội đồng xét xử đã xem xét đến khả năng nuôi dưỡng các con nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Anh P.T.T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 203; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Anh P.T.T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh P.T.T được ly hôn với Chị N.T.B.T.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung, tên: P.H.T.T (nam), sinh ngày 31/8/2010; P.H.G.B (nam), sinh ngày 29/10/2015 cho Anh P.T.T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P.T.T không yêu cầu Chị N.T.B.T cấp dưỡng.

Chị N.T.B.T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P.T.T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Giấy chứng nhận kết hôn số: 139, quyển số 01/2008, ngày 08/10/2008 do Ủy ban nhân dân Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000(ba trăm ngàn) đồng Anh P.T.T phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí Anh P.T.T đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0038703 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Y. Anh P.T.T đã đóng đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- UBND P.5,Q.6;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Sang